TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____ TH

Bản án số: 348/2019/HCPT
Ngày: 30/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Ông Nguyễn Tất Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Ngọc Chuyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 66/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10806/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: ***Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B***;

Địa chỉ: Km 3+500, đường Hùng V, phường Phú Kh, thành phố Thái B, tỉnh Thái B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Xuân H - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1953 (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2019) và ông Phạm Công Th, sinh năm 1957 (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018). Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Lương Th1 - Công ty luật TNHH Trung Nam Th2, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

**** Người bị kiện***:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B; địa chỉ trụ sở: Số 76, phố Lý Thường K, phường Lê Hồng Ph1, thành phố Thái B, tỉnh Thái B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Trọng Th3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Bích Th4 - Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái B; Có mặt;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B; địa chỉ trụ sở: Số 12, đường Quang Tr, thành phố Thái B, tỉnh Thái B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Kh1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh L - Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019); Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh L - Phó Giám đốc.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B: Ông Nguyễn Kiên C - Chức vụ: Chánh Thanh tra; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án như sau*:

Ngày 30/11/2016, UBND tỉnh Thái B ra Quyết định số 3481/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 6.197,1m^2 đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B (sau đây viết tắt là Công ty) đang sử dụng. Ngay sau đó, Công ty đã có nhiều văn bản giải trình với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B (Sở TN&MT) nhưng không được xem xét. Ngày 14/11/2017, Công ty có đơn khiếu nại đề nghị hủy bỏ quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Thái B và các quyết định, văn bản khác của Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngày 17/01/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường ra văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ trả lời đơn của Công ty bao gồm 5 nội dung cụ thể về căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Kết luận thanh tra về việc Công ty sử dụng đất không đúng mục đích và thu hồi toàn bộ 6.200m^2 đất, Công ty không được bồi thường tài sản trên đất bị thu hồi và việc khẳng định Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B là đúng thẩm quyền. Không đồng ý với văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ, Công ty đã khiếu nại. Ngày 31/01/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của Công ty. Ngày 08/02/2018 tổ chức đối thoại, ngày 16/3/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường ra Quyết định số 49/QĐ-STNMT giải quyết đơn với nội dung: Giữ nguyên nội dung trả lời kiến nghị của Công ty tại văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Công ty thấy việc giải quyết đơn và nội dung trong quyết định trả lời khiếu nại không đúng với quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan ban hành các văn bản bị khiếu nại nhưng vẫn là cơ quan giải quyết khiếu nại các văn bản đó là thiếu khách

quan.

- Sở Tài nguyên và Môi trường không đủ thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong đó có yêu cầu hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B.

- Văn bản 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 trả lời đơn khiếu nại không đúng với khoản 1 Điều 31 Luật đất đai.

- Thời hạn thuê đất đối với doanh nghiệp 5 năm là không đúng theo khoản 3 Điều 67 Luật đất đai 2003. Trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất không đúng với khoản 3 Điều 51 Luật đất đai 2003.

- Công ty bán hàng trên các cửa hàng có sẵn của mình trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các mặt hàng có trong giấy phép kinh doanh. Việc quy kết Công ty sử dụng đất sai mục đích là không có căn cứ.

- Thanh tra sử dụng đất của Công ty và kết luận thanh tra quy lỗi hành vi Công ty sử dụng đất sai mục đích vẫn là những gian hàng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những mặt hàng có trong giấy phép kinh doanh để ép Công ty vi phạm theo điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai.

- Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Thái B thiếu căn cứ bắt buộc phải có theo điểm c khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, sai nội dung thu hồi đất theo điểm a khoản 1, 2 Điều 64 Luật đất đai.

Công ty yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái B xem xét giải quyết:

- Hủy văn bản 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018;

- Hủy Quyết định số 49/QĐ-STNMT ngày 16/3/2018;

- Hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016.

Đề nghị xem xét các văn bản có liên quan:

- Quyết định xử phạt hành chính số 73/QĐ-XPHC ngày 17/5/2010 của Chánh thanh tra Sở tài nguyên và Môi trường.

- Kết luận thanh tra số 174/KL-STNMT ngày 16/8/2016 phần hành vi công ty sử dụng đất sai mục đích.

- Yêu cầu UBND tỉnh Thái B cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 178668 cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật đất đai 2013 tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 15, diện tích 6.090m^2 tại Km 3+500 đường Hùng V, tổ 16, phường Phú Kh, thành phố Thái B.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/8/2018, Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B thay đổi yêu cầu khởi kiện, Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B.

Đề nghị xem xét tính hợp pháp của các văn bản có liên quan gồm:

- Công văn số 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 của Sở Tài nguyên

và Môi trường về việc trả lời kiến nghị của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B.

- Quyết định số 49/QĐ-STNMT ngày 16/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B.

- Quyết định xử phạt hành chính số 73/QĐ-XPHC ngày 17/5/2010; Kết luận thanh tra số 174/KL-STNMT ngày 16/8/2016 xử lý vi phạm Công ty sử dụng đất sai mục đích.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 178668 cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật đất đai 2013 tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 15, diện tích 6.090m^2 tại Km 3+500 đường Hùng V, tổ 16, phường Phú Kh, thành phố Thái B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B chỉ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B, đối với các văn bản và yêu cầu khác mà Công ty đề nghị Tòa án xem xét đương nhiên hết hiệu lực khi tuyên hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND vì vậy Công ty rút yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - UBND tỉnh Thái B trình bày:*

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái B nhận được Kết luận thanh tra số 174/KL-STNMT ngày 16/8/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B trong đó xác định: Công ty đang quản lý, sử dụng 02 thửa đất với tổng diện tích 6.543,1m^2 tại phường Phú Kh, thành phố Thái B, gồm: Khu đất thuê tại tổ 16, phường Phú Kh diện tích 6.090m^2 và Khu nhà trẻ thuộc tổ 5, phường Phú Kh diện tích 453,1m^2.

Đối với khu đất Công ty thuê tại tổ 16, phường Phú Kh: Công ty được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 963/QĐ-UB ngày 26/9/2000 để sử dụng vào mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm, thời hạn thuê đất đến hết ngày 31/12/2010 và đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 178668 ngày 25/5/2005, diện tích 6.090m^2; Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 54/HĐ/TĐ ngày 15/7/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường để sử dụng vào mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản.

Tại thời điểm thanh tra ngày 19/5/2016, tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng là 6.197,1m^2 (tăng 107,1m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số đo đạc), trong đó: diện tích đất sử dụng không đúng mục đích là 1.835,8m^2 (gồm 17 gian nhà, diện tích 846,2m^2 để sử dụng vào mục đích kinh doanh cà phê, bán cơm, bánh kẹo, xi măng... 140,8m^2 kho để chứa hàng tiêu dùng, 611,9m^2 nhà xưởng để sản xuất gạch, 236,9m^2 nhà kho để chứa xi măng); phần diện tích còn lại gồm: 139,1m^2 nhà văn phòng, 2.013,3m^2 làm sân đường nội bộ, 2.348m^2 nhà xưởng không sử dụng.

Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính tại khu đất thuê tại tổ 16, phường Phú Kh: Đến thời điểm tháng 10/2015, Công ty còn nợ 717.603.900 tiền thuê đất, 21.924.000 đồng tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Ngày 16/10/2015, Cục thuế tỉnh đã có Quyết định số 1694/QĐ-CT cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty, ngày 20/10/2015, Công ty đã nộp 24.000.000 đồng tiền thuê đất.

Đối với khu đất thuê tại tổ 16, phường Phú Kh, Công ty còn những tồn tại, vi phạm sau: Đã hết thời hạn thuê đất nhưng không làm thủ tục gia hạn thời gian thuê đất, sử dụng đất không đúng mục đích theo Quyết định cho thuê đất và Hợp đồng cho thuê đất, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất của người sử dụng đất, vi phạm khoản 3, khoản 7 Điều 12; khoản 1, khoản 3 Điều 170 Luật đất đai 2013. Đặc biệt các hành vi nêu trên đã được UBND tỉnh, Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, yêu cầu khắc phục từ năm 2010 - 2011 nhưng Công ty không chấp hành (Báo cáo số 39/BC-ĐKT ngày 13/5/2010 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 31/3/2010 của UBND tỉnh; Biên bản kiểm tra ngày 16/6/2011; Biên bản kiểm tra ngày 20/12/2011). Căn cứ khoản 3, khoản 7 Điều 12; điểm a, g khoản 1 Điều 64; điểm d khoản 1 Điều 65; khoản 1, 2, 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh giao Sở TN&MT hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định thu hồi 6.090m^2 đất cho Công ty thuê tại tổ 16, phường Phú Kh, thành phố Thái B giao Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở TN&MT quản lý và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng theo quy định.

Ngày 24/8/2016, UBND tỉnh có Văn bản số 3068/UBND-NNTNMT về xử lý vi phạm về sử dụng đất, trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định thu hồi 6.197,1m^2 đất cho Công ty thuê.

Ngày 24/11/2016, Sở TN&MT có tờ Trình số 804/TTr-STNMT đề nghị UBND tỉnh thu hồi 6.197,1m^2 đất thương mại dịch vụ của Công ty.

Ngày 30/11/2016, UBND tỉnh có Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 thu hồi 6.197,1m^2 đất thương mại dịch vụ của Công ty. Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 là đúng quy định về lý do thu hồi đất theo khoản 1 Điều 64 Luật đất đai 2013, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật đất đai 2013, trình tự thu hồi đất đúng theo quy định tại Điều 66 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Như vậy, việc Công ty yêu cầu hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B là không có cơ sở.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Sở TN&MT trình bày:*

- Đối với Văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ:

Thực hiện Văn bản số 25/UBND-NNTNMT ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao và ủy quyền cho Sở TN&MT trả lời tạp chí Văn hóa doanh

nghiệp Việt Nam, ngày 17/01/2018 Sở TN&MT có văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ trả lời nội dung kiến nghị của Công ty. Đối với các yêu cầu khởi kiện của Công ty, Sở TN&MT có ý kiến như sau:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty (thời hạn sử dụng đất theo Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh) là phù hợp với quy định tại Điều 49, Điều 51, Điều 52 Luật đất đai 2003, cụ thể: Tháng 5/2000, Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B nộp hồ sơ xin thuê đất tại tổ 16, phường Phú Kh, thành phố Thái B; ngày 26/9/2000 UBND tỉnh có Quyết định số 963/QĐ-UB cho Công ty thuê đất, với thời gian thuê đất là 10 năm, tính từ ngày 01/01/2000 là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 10/1998/QH10 ngày 02/12/1998 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai 1993. Tháng 01/2004, Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B thực hiện cổ phần hóa chuyển thành Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B. Năm 2005, Công ty hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh tên người sử dụng đất và diện tích đất đang sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T0088 ngày 25/5/2005 cho Công ty, với thời gian thuê đất đến hết ngày 31/12/2010 là đúng theo quy định tại Điều 52 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; điểm g khoản 3 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2015 của Bộ trưởng Bộ TN&MT; tiết 3.2,3.3 điểm 3 mục I Thông tư 01/2005 ngày 13/4/2005 của Bộ TN&MT (trường hợp được Nhà nước cho thuê đất thì ghi theo quyết định cho thuê đất).

Công ty được UBND tỉnh Thái B cho thuê đất tại phường Phú Kh, thành phố Thái B để sử dụng vào mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm. Năm 2010, qua kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất thấy hiện Công ty cho 13 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê nhà, đất giáp mặt đường Hùng V và đường Trần Đại Nghĩa để kinh doanh bánh kẹo, thời trang, hàng sắt, giải khát... không đúng mục đích, vi phạm Điều 15; Điều 107 Luật đất đai 2003; Điều 22 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, Thanh tra Sở TN&MT đã lập Biên bản vi phạm hành chính và Chánh thanh tra Sở TN&MT đã ra Quyết định số 73/QĐ-XPHC ngày 17/5/2010 xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích. Tại thời điểm thanh tra ngày 19/5/2016, Công ty sử dụng 1.835,8m^2 đất không đúng mục đích cho thuê đất, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, đã hết thời hạn thuê đất nhưng không làm thủ tục gia hạn thời gian thuê đất, do vậy việc ra quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 6.197,1m^2 đất của Công ty là phù hợp quy định của pháp luật đất đai.

Công ty bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 do đó Công ty không được bồi thường tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật đất đai

2013.

Năm 2010, Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích theo quyết định cho thuê đất và Hợp đồng thuê đất, năm 2016 tiến hành thanh tra công ty vẫn có vi phạm trong lĩnh vực đất đai; hành vi của Công ty không thuộc trường hợp xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 102/2014/CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Đoàn thanh tra đã lập biên bản xác định hành vi vi phạm của Công ty có đại diện lãnh đạo UBND phường Phú Kh làm chứng (Giám đốc Công ty đã ký biên bản). Do đó, Sở TN&MT đã tham mưu để UBND tỉnh Thái B quyết định thu hồi đất của Công ty là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; mặt khác pháp luật không quy định bắt buộc phải có căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trong quyết định thu hồi đất. Việc UBND tỉnh Thái B ra quyết định số 3481/QĐ-UB ngày 30/11/2016 thu hồi đất của Công ty là đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Văn bản số 112/STNTMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 của Sở TN&MT tỉnh Thái B về việc trả lời kiến nghị của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B ban hành đúng trình tự, thẩm quyền được giao; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ; nội dung trả lời của Văn bản 112/STNMT-QLĐĐ đảm bảo đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Việc Công ty yêu cầu hủy bỏ Văn bản số 112/QĐ- STNMT là không có cơ sở.

- Đối với Quyết định số 49/QĐ-STNMT ngày 16/3/2018 của Sở TN&MT tỉnh Thái B:

Thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần đầu), trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết khiếu nại của Sở TN&MT đảm bảo theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

** Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở TN&MT trình bày:*

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, ngày 10/5/2016 Giám đốc Sở TN&MT có Quyết định số 92/QĐ-STNMT về việc thanh tra chấp hành pháp luật đất đai của Công ty, ngày 16/8/2016 Giám đốc Sở TN&MT ký Kết luận thanh tra về việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty tại phường Phú Kh, thành phố Thái B, trong đó xác định: Đối với khu đất Công ty thuê tại Tổ 16, phường Phú Kh tại thời điểm thanh tra ngày 19/5/2016, Công ty sử dụng 1.835,8m^2 đất (gồm 17 gian nhà, diện tích 846,2m^2 để sử dụng vào mục đích kinh doanh cà phê, bán cơm, bánh kẹo, xi măng..., 140,8m^2 kho để chứa hàng tiêu dùng, 611,9m^2 nhà

xưởng để sản xuất gạch, 236,9m^2 nhà kho để chứa xi măng) không đúng mục đích cho thuê đất theo Quyết định số 963/QĐ-UB ngày 26/9/2000 của UBND tỉnh, Hợp đồng thuê đất số 54/HĐ/TĐ ngày 15/7/2008 với Sở TN&MT (giám đốc Công ty đã thống nhất ký biên bản thanh tra).

Do đó, tại Kết luận thanh tra số 174/KL-STNMT ngày 16/8/2016 nêu Công ty sử dụng đất không đúng mục đích theo Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất là đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên nội dung kết luận thanh tra số 174/KL-TTr ngày 16/8/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B.

** Chánh thanh tra Sở TN&MT trình bày*:

Năm 2010, Đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất của các doanh nghiệp đã được cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh được thành lập theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 31/3/2010 của UBND tỉnh đã tiến hành kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất của Công ty. Quá trình kiểm tra đã phát hiện Công ty cho 13 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê nhà đất giáp mặt đường Hùng V và đường Trần Đại Nghĩa để kinh doanh bánh kẹo, thời trang..., không đúng mục đích, vi phạm Điều 15, Điều 107 Luật đất đai 2003; Điều 22 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 của Chính phủ. Ngày 11/5/2010, Đoàn kiểm tra và Giám đốc Công ty đã ký biên bản kiểm tra.

Ngày 11/5/2010, Thanh tra Sở TN&MT đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với Công ty, ngày 17/5/2010 Chánh thanh tra Sở TN&MT ra quyết định số 73/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với Công ty về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích, với mức phạt 08 triệu đồng và yêu cầu Công ty khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Chánh thanh tra Sở TN&MT tỉnh Thái B ký quyết định số 73/QĐ-XPHC ngày 17/5/2010 đảm bảo đúng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đúng thời hiệu, thời hạn, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt theo quy định tại Điều 4, Điều 8, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Sau khi được giao Quyết định số 73/QĐ-XPHC, Công ty không có khiếu nại hay khởi kiện. Nay Công ty đề nghị xem xét lại Quyết định số 73/QĐ-XPHC ngày 17/5/2010 là không có cơ sở và đã hết thời hiệu khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và tố tụng hành chính hiện hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HCST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái B đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 64; khoản 1 Điều 92 Luật đất đai 2013; Điều 66 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 69 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 7

Nghị định 128/2008/NĐ-CP ngày 06/12/2008 của Chính phủ;

Áp dụng Điều 7, Điều 20 Luật khiếu nại.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B.

Đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện khác của người khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, đại diện của người khởi kiện là ông Tô Xuân H kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B. Giao đất cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B, vì các lý do sau:

Quá trình sử dụng đất của Công ty chia thành 3 giai đoạn; Công ty cũng đã có Giấy xác nhận thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp số 543B/GXN-ĐKKD ngày 04/9/2015 xác nhận Công ty thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có 56 ngành nghề trong đó có dịch vụ ăn uống, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt; hợp đồng thuê đất năm 2008 không thể là căn cứ để ra quyết định xử phạt hành chính số 73/2010.

Theo quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì Công ty có quyền cho thuê tài sản gắn liền với đất. Quyết định xử phạt hành chính số 73 ngày 17/5/2010 căn cứ vào nội dung hợp đồng thuê đất năm 2000 của một pháp nhân khác (Công ty thuê đất trước đã không còn tồn tại thực tế), nên Công ty không có trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính này và việc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 là không đúng vì quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/2010 đã hết hiệu lực.

Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện còn cho rằng bản án sơ thẩm sai sót về tố tụng khi không đưa những người thuê cửa hàng của Công ty vào tham gia tố tụng; Công ty cho rằng Quyết định 3481/QĐ-UBND này không nói rõ căn cứ Luật đất đai năm nào. Do đó, luật sư đề nghị Hội đồng hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền của Tòa án:

Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B khởi kiện yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B, đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính là có căn cứ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Thái B, Công ty không khiếu nại ngay mà gửi văn bản giải trình xin được thuê lại đất. Ngày 14/11/2017, Công ty có đơn khiếu nại và kêu cứu gửi các cơ quan ban ngành trong đó có UBND tỉnh. Ngày 04/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B có Văn bản số 25/UBND-NNTNMT giao và ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật trả lời. Ngày 17/01/2018, Sở TN&MT tỉnh Thái B có Văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ về việc trả lời nội dung kiến nghị của Công ty, trong đó khẳng định Quyết định thu hồi đất số 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định. Không đồng ý với Văn bản 112/STNMT-QLĐĐ, Công ty khiếu nại đến Sở TN&MT. Ngày 16/3/2018, Giám đốc Sở TN&MT có Quyết định số 49/QĐ-STNMT về việc Giải quyết khiếu nại của Công ty. Ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái B nhận được đơn khởi kiện của Công ty, yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 của Sở TN&MT; hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 49/QĐ-STNMT ngày 16/3/2018 của Giám đốc Sở TN&MT và hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B. Như vậy, đơn khởi kiện của Công ty là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái B đã thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về nội dung:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện chỉ yêu cầu hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét đối với Quyết định 3481 là có đúng quy định của pháp luật.

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B về việc thu hồi đất ban hành đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật đất đai 2013; Quyết định giải quyết khiếu nại số 49/QĐ-STNMT được thực hiện đúng theo trình tự quy định tại Điều 7; Điều 20; Điều 27; Điều 28; Điều 29 Luật khiếu nại; Quyết định số 73/QĐ-XPHC đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 4, Điều 8, khoản 2 Điều 26 Nghị định 105/2009/NĐ-CP và Văn bản 112/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2018 của Sở TN&MT; Kết luận thanh tra 174/KL-STNMT được ban hành đúng thẩm quyền.

Luật sư bảo vệ cho Công ty cho rằng Quyết định 3481/QĐ-UBND không nêu rõ căn cứ Luật đất đai năm nào, tuy nhiên UBND tỉnh Thái B đã có Văn bản giải trình số 08/QBND-TCD ngày 15/01/2019 nói rõ căn cứ Luật đất đai năm 2013. Đây là lỗi về hình thức văn bản, không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ việc nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của luật sư về vấn đề này.

[3.2] Về nội dung của Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B, Hội đồng xét xử thấy:

Tháng 5/2000, Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B là doanh nghiệp Nhà nước (trước khi được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B) có đơn xin thuê 9.064,2m^2 đất (BL 105).

Ngày 26/9/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái B có Quyết định số 963/QĐ-UB cho phép Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B thuê 9.064,7m^2 *để sử dụng vào mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm*, thời gian thuê là 10 năm tính từ ngày 01/01/2000 tại Km3+500, phường Phú Kh, thị xã Thái B (BL 105).

Ngày 09/01/2004, Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B được cổ phần hóa chuyển thành Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B theo Quyết định số 160 của UBND tỉnh Thái B (BL 190).

Ngày 15/7/2008, Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kết thúc hợp đồng thuê đất đến ngày 08/01/2004 (BL 109).

Cùng ngày 15/7/2008, Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường, thời hạn thuê đất kể từ ngày 09/01/2004 đến hết ngày 31/12/2010 *để sử dụng vào mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản* (đến nay chưa thanh lý hợp đồng) (BL 111).

Tại biên bản kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất ngày 11/5/2010, Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B đã thừa nhận sử dụng đất không đúng mục đích cho thuê đất tại hợp đồng ký kết ngày 15/7/2008 (BL 182).

Ngày 11/5/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B lập Biên bản vi phạm hành chính số 73 về lĩnh vực đất đai. Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B đã nhất trí với nội dung biên bản (BL 180).

Ngày 17/5/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B đã ban hành Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với Công ty (BL 178).

Tại Biên bản làm việc ngày 19/5/2016, Đoàn thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B đã tiến hành làm việc với Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B, kiểm tra hiện trạng, xác định: Công ty không sử dụng đất để sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản. Công ty cũng nhất trí với nội dung làm việc này (BL 117-118).

Ngày 16/8/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B ban hành Kết luận thanh tra số 174/KL-STNMT về việc chấp hành pháp luật đất đai của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B, đã xác định nhiều vi phạm của công ty, trong đó có việc sử dụng đất không đúng mục đích. Không đồng ý với nội dung Kết luận trên. Ngày 21/01/2018, Công ty đã khiếu nại Kết luận (BL 166).

Ngày 16/3/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái B ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 49/QĐ-STNMT với nội dung, giữ nguyên Kết luận thanh tra (BL 69).

Ngày 30/11/2018, UBND tỉnh Thái B ra Quyết định số 3481/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Thái B (BL 64).

Như vậy, theo Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh Thái B và theo Hợp đồng thuê đất ký giữa Sở TN&MT với Công ty, thì mục đích *cho thuê đất để sử dụng vào sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản*. Công ty đã sử dụng đất được cho thuê để cho các tổ chức, cá nhân thuê lại để bán hàng quần áo, giải khát, hàng sắt ... đây là hành vi sử dụng đất không đúng mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty khi thuê đất (*Công ty đã thừa nhận vi phạm*). Việc sử dụng đất không đúng mục đích thuê đất của Công ty đã bị xử lý hành chính bằng Quyết định số 73/QĐ-XP ngày 17/5/2010 của Thanh tra Sở TN&MT nhưng đến nay công ty vẫn chưa thi hành Quyết định số 73/QĐ-XP nêu trên và tiếp tục có hành vi vi phạm sử dụng đất không đúng mục đích.

[3.3] Xét kháng cáo của người khởi kiện và lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện về từng vấn đề, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất: Công ty cho rằng theo quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì Công ty có quyền cho thuê tài sản gắn liền với đất, thì thấy tại Điều 22 Nghị định 84/2007/NĐ *cho phép tổ chức kinh tế, cá nhân thuê đất của Nhà nước được cho thuê tài sản thuộc sở hữu của mình gắn với đất thuê và người thuê tài sản phải sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định trong quyết định cho thuê đất của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền*

nhưng ở đây những người thuê tài sản sử dụng vào các mục đích khác với mục đích cho thuê đất là không đúng.

Thứ hai: Công ty cho rằng Quyết định xử phạt hành chính số 73 ngày 17/5/2010 căn cứ vào nội dung hợp đồng thuê đất năm 2000 của một pháp nhân khác (Công ty thuê đất trước đã không còn tồn tại thực tế), ý kiến này của công ty là không có căn cứ vì tại Điều 7 Nghị định số 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2002 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, quy định:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cổ phần hoá:

1. Doanh nghiệp cổ phần hoá có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động có tại thời điểm cổ phần hoá và giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành.

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần được chủ động sử dụng toàn bộ tài sản, tiền vốn đã cổ phần hoá để tổ chức sản xuất kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hoá và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy Công ty cổ phần chế biến nông sản có trách nhiệm kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản Thái B - là doanh nghiệp Nhà nước. Do đó, phải thực hiện đúng quyết định cho thuê đất mà UBND tỉnh đã ký.

Thứ ba: Về nội dung kháng cáo cho rằng UBND tỉnh áp dụng điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013 là không đúng vì Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/2010 hết hiệu lực, thấy:

Tại Điều 69 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định về: Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 7 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh được quy định như sau:

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt (tức là từ ngày thực hiện xong các nghĩa vụ, yêu cầu ghi trong quyết định xử phạt hoặc từ ngày quyết định xử phạt được cưỡng chế thi hành) hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt quy định tại Điều 69 của Pháp lệnh mà không thực hiện hành vi vi phạm trong cùng lĩnh vực trước đây đã bị xử phạt thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó.

Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính:

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai 2013 quy định: Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai:

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

Như vậy, kể từ khi Công ty bị xử lý vi phạm hành chính cho đến nay Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ theo Biên bản xử phạt hành chính số 73/2010 nên không được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, mà công ty tiếp tục vi phạm. Do đó, UBND tỉnh Thái B căn cứ điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai 2013 là đúng.

Thứ tư: Công ty và luật sư cho rằng quá trình sử dụng đất của Công ty chia thành 03 giai đoạn; Công ty cũng đã có Giấy xác nhận thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp số 543B/GXN-ĐKKD ngày 04/9/2015, xác nhận Công ty thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có 56 ngành nghề, trong đó có dịch vụ ăn uống, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt; hợp đồng thuê đất năm 2008 không thể là căn cứ để ra Quyết định xử phạt hành chính số 73/2010, thấy:

Như đã liệt kê ở trên về quá trình ký kết hợp đồng thuê đất với Công ty, trong các hợp đồng nội dung đều ghi rõ *cho thuê đất để sử dụng vào sản xuất,*

chế biến, kinh doanh nông sản. Việc nội dung thay đổi đăng ký kinh doanh của công ty không làm thay đổi mục đích sử dụng đất mà công ty đã ký kết với Sở Tài nguyên và Môi trường trước đó và các hợp đồng thuê đất là cơ sở để UBND tỉnh Thái B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty, nên không mâu thuẫn với giấy phép kinh doanh của công ty được cấp lần đầu năm 2004; quá trình thanh tra kiểm tra về việc sử dụng đất của công ty từ khi cổ phần hóa đều vi phạm về mục đích sử dụng, công ty cũng đã thừa nhận về các vi phạm này. Do đó, ý kiến của luật sư và Công ty là không có căn cứ để chấp nhận.

Thứ năm: Luật sư còn cho rằng bản án sơ thẩm sai sót khi không đưa những người thuê cửa hàng của Công ty vào tham gia tố tụng, thấy:

Tại khoản 1 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 quy định: Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất:

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

Như vậy, Công ty bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013; do đó Công ty không được bồi thường tài sản gắn liền với đất. Mặt khác, việc Công ty tự ý cho các cá nhân khác thuê cửa hàng là sai mục đích sử dụng đất, lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty, nếu các cá nhân thuê cửa hàng có thiệt hại và có yêu cầu thì có thể khởi kiện Công ty bằng một vụ án dân sự khác, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các cá nhân này tham gia tố tụng là có căn cứ.

Từ nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B về việc hủy Quyết định 3481/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thái B là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành

chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái B.

[2] Về án phí: Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thái B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008906 ngày 18/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái B.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Anh Tài